

Số: 615/QĐ-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành hướng dẫn đổi mới phương pháp đánh giá
theo định hướng phát triển năng lực sinh viên, thiết kế rubric
và phổ điểm đánh giá học phần

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13) và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Hướng dẫn đổi mới phương pháp đánh giá theo định hướng phát triển năng lực sinh viên, thiết kế rubric và phổ điểm đánh giá học phần**”

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị, toàn thể công chức, viên chức, người lao động và người học của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, P.KT,ĐBCL&TTGD.



Huỳnh Quyền

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH**



**HƯỚNG DẪN
ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ THEO ĐỊNH HƯỚNG
PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SINH VIÊN, THIẾT KẾ RUBRIC
VÀ PHỔ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**
(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-TĐHTPHCM ngày 14 tháng 7 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh)

TP. HCM, tháng 7 năm 2021

MỤC LỤC

I. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	3
1. Đánh giá quá trình(On-going/Formative Assessment).....	3
2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)	4
II. SỬ DỤNG CÔNG CỤ, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)	5
1. Rubric là gì?	5
2. Tại sao sử dụng rubric?	6
3. Các Rubrics đánh giá tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo.	6
3.1. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	6
3.2. Đánh giá bài tập (Work Assignment).....	7
3.3. Đánh giá thuyết trình- Rubric 4 (Oral Presentation)	8
3.4. Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam):	11
3.5. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam):	11
3.6. Đánh giá bảo vệ đề án và thi vấn đáp (Oral Exam).....	11
3.7. Đánh giá báo cáo (Written Report)	12
3.8. Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment).....	13
4. Một số rubrics khác	14
4.1. Rubric đánh giá tiểu luận cá nhân	14
4.2. Rubric đánh giá buổi thực hành cá nhân tại phòng thí nghiệm	14
4.3. Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	15
4.4. Rubric đánh giá thực tập tại doanh nghiệp	15
4.5. Rubric đánh giá báo cáo thực tập tại doanh nghiệp.....	16
4.6. Rubric đánh giá khóa luận/luận văn tốt nghiệp (của thành viên hội đồng).....	16
4.7. Rubric đánh giá khóa luận/luận văn tốt nghiệp (của người hướng dẫn/ủy viên phản biện).....	17
5. Ma trận phương pháp đánh giá các học phần	18
III. PHỔ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN	19
1. Phân tích đề thi.....	19
1.1. Đề thi quá dễ so với khả năng của SV.....	19
1.2. Đề thi quá khó so với khả năng của SV	19
1.3. Đề thi “chuẩn” so với khả năng của SV	20
2. Phổ điểm thi:	20
3. Mẫu phiếu báo cáo phân tích phổ điểm đánh giá học phần và bảng tổng hợp phổ điểm đánh giá học phần (MẪU SỐ 1, 2)	20

HƯỚNG DẪN ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SINH VIÊN, THIẾT KẾ RUBRIC VÀ PHỔ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

I. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên, liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Nhà trường đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần, người dạy lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của Nhà trường được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo quá trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

STT	Phương pháp đánh giá	
	1. Đánh giá quá trình (On-going/Formative Assessment)	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá quá trình được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation),....
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1 hoặc 2 tùy thuộc vào học phần lý thuyết hay đồ án.
2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể trong Rubric 3.

3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	Trong một số học phần thuộc chương trình đào tạo, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 4.
	2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ. Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment),...
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
6	Thi vấn đáp (Oral Exam)	Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5.
7	Báo Cáo (Written Report)	Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.
8	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình theo Rubric 4. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

9	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)	Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7.
10	Khác

Quan hệ giữa phương pháp đánh giá với CDR học phần (CELO)

STT	Phương pháp đánh giá	Kiến thức			Kỹ năng			Tự chủ, tự chịu trách nhiệm					
		CELO											
		1	2	3	4	5			
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)												
2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)												
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)												
4	Kiểm tra viết (Written Exam)												
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)												
6	Thi vấn đáp (Oral Exam)												
7	Báo cáo (Written Report)												
8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)												
9	Khác												

(Đánh dấu X vào 1 hoặc 1 vài ô phù hợp với CDR học phần)

II. SỬ DỤNG CÔNG CỤ, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

1. Rubric là gì?

Rubric là một cách đánh giá, công cụ đánh giá được sử dụng khá rộng rãi trong thực tiễn giáo dục và dạy học hiện nay trên thế giới (Rubrica theo tiếng Latin có nghĩa là “vùng đất đỏ”, “phần viết bằng mực đỏ trong các cuốn Kinh thánh, sách cổ”; tập tục hoặc quy tắc được thiết lập để thực hiện/an established custom or rule of procedure).

Rubric là bảng mô tả chi tiết có tính hệ thống (theo chuẩn, tiêu chí và mức) những kết quả (kiến thức, kỹ năng, thái độ) mà người học nên làm và cần phải làm để đạt được mục tiêu cuối cùng khi thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.

Các Rubric dùng trong dạy học được thiết kế cho các mục đích đánh giá khác nhau, song đều dựa trên cùng một nguyên tắc chung: so sánh, đối chiếu và kiểm chứng kết quả đạt được với các chuẩn và tiêu chí đã được thống nhất xây dựng trước khi thực hiện hoạt động.

Có thể coi mỗi Rubric là một ma trận 2 chiều giúp xác định (đo) giá trị kết quả mà người học đạt được tại một “toạ độ” bất kỳ của kiến thức, kỹ năng hoặc thái độ.

“Toạ độ giá trị” bất kỳ này của người học được xác định và mô tả chi tiết theo chuẩn, tiêu chí (chỉ số) và mức chất lượng.

2. Tại sao sử dụng rubric?

Giúp công khai công cụ đánh giá của giảng viên, với các tiêu chí cụ thể để phân biệt các mức độ thành tích trong học tập.

Giúp sinh viên biết được những kỳ vọng của giảng viên về học tập; nhận ra các điểm mạnh, yếu trong quá trình học tập, từ đó xây dựng cách thức và kế hoạch cải tiến.

Giúp tăng cường sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau giữa giảng viên và sinh viên. Thông qua rubric, đánh giá không còn là một hoạt động mang tính bí mật.

Là một hình thức đánh giá hỗ trợ học tập (Assessment for learning).

Sử dụng rubric trong đánh giá học tập là một biểu hiện của tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm.

Với các tiêu chí đánh giá được mô tả cụ thể, giảng viên có thể giảm hẳn việc cung cấp thông tin phản hồi về học tập cho mỗi sinh viên.

Là công cụ cần được sử dụng trong đánh giá học tập, theo yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, Nhà trường đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

3. Các Rubrics đánh giá tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo

3.1. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Rất tốt 8.5 – 10	Tốt 7.0-8.4	Đạt yêu cầu 5.0 – 6.9	Không đạt 0.0-4.9
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp.

**Rubric 2: Tham gia buổi hướng dẫn đồ án của giảng viên
(Project Attendance)**

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Rất tốt 8.5 – 10	Tốt 7.0-8.4	Đạt yêu cầu 5.0 – 6.9	Không đạt 0.0-4.9
Tổ chức nhóm	20	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm tốt.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Trách nhiệm và nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm không rõ ràng, không phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.
Chuyên cần	10	100%	<90%	<70%	<50%
Thảo luận	20	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến cho thảo luận giữa các nhóm.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.
Nội dung theo tiến độ quy định	20	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Trình tự các bước tính toán hợp lý, kết quả tính toán đúng, sử dụng phần mềm tính toán hợp lý.	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Kết quả tính toán đúng, có sử dụng phần mềm tính toán nhưng chưa hợp lý.	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Kết quả tính toán còn một số sai sót, nhầm lẫn.	Nội dung tính toán không đầy đủ (<50%), kết quả tính toán sai, trình tự các bước tính toán không hợp lý.
Trình bày thuyết trình	20	Nội dung phù hợp, cấu trúc thuyết minh rất chi tiết, rõ ràng, logic. Hình vẽ, bảng biểu, chú thích trình bày khoa học.	Nội dung phù hợp. Cấu trúc, bố cục thuyết minh rõ ràng, logic. Ghi chú, giải thích, hình vẽ, bảng biểu khá đầy đủ, khá khoa học.	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp. Thuyết minh còn một số lỗi chính tả, một số nhầm lẫn.	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự, hình vẽ, bảng biểu và ký hiệu sử dụng trong thuyết minh không phù hợp.

3.2. Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Trình bày bài tập		30	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước).	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	
Thời gian thực hiện lượng bài tập		20	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	
Nội dung bài tập		50	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	
ĐIỂM TỔNG							

3.3. Đánh giá thuyết trình - Rubric 4 (Oral Presentation)

Rubric 4.1. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (cá nhân)

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5 – 10	7.0 – 8.4	5.0 – 6.9	0.0 – 4.9	
Nội dung		10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng	
		20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng	
Cấu trúc và tính trực quan		10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý	
		10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ	
Kỹ năng trình bày		20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng	
Tương tác cử chỉ		10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	
Quản lý thời gian		10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ	
Trả lời câu hỏi		10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng	
ĐIỂM TỔNG							

Rubric 4.2. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (theo nhóm)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5 – 10	6.5 – 8.4	4.0 – 6.4	0 – 3.9	
Nội dung		10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng	
		20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng	
Cấu trúc và tính trực quan		10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý	
		10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ	
Kỹ năng trình bày		10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng	
Tương tác cử chỉ		10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	
Quản lý thời gian		10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống	Quá giờ	
Trả lời câu hỏi		10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng	

Sự phối hợp trong nhóm		10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	
ĐIỂM TỔNG							

3.4. Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

3.5. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

3.6. Đánh giá bảo vệ đồ án và thi vấn đáp (Oral Exam)

Rubric 5: Bảo vệ đồ án và thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Kỹ năng trình bày		10	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	
Nội dung chính 1		30	Ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	
Nội dung chính 2		20					
Nội dung		20					

chính 3							
Nội dung chính 4		20					
ĐIỂM TỔNG							

3.7. Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 6: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Nội dung đề án		60	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	
Trình bày thuyết minh		20	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung, trình tự trình bày thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Trình tự trình bày trong thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	
Bản vẽ kỹ thuật và hình ảnh		20	Đầy đủ bản vẽ (... bản) với nội dung theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ, rõ ràng. Thể hiện việc sử dụng thành	Đầy đủ bản vẽ (... bản) với nội dung theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ, rõ ràng.	Đầy đủ bản vẽ (... bản) với nội dung theo đúng quy định. Kích thước, ghi chú trên bản vẽ đầy đủ, rõ ràng. Còn một số lỗi về trình	Đầy đủ số lượng bản vẽ/hình ảnh (... bản) với nội dung theo đúng quy định. Kích thước, ghi chú trên bản	

			thảo công cụ vẽ trên máy tính, có thể ứng dụng trong công trình xây dựng thực tế.		bày (sai chính tả, nét vẽ).	vẽ/hình ảnh không được thể hiện hoặc thể hiện không rõ ràng, thiếu một số phần trên các bản vẽ/ hình ảnh	
ĐIỂM							

3.8. Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Rubric 7: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Tổ chức nhóm		30	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)		20	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	<90%	<70%	<50%	
Thảo luận		20	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	
Phối hợp nhóm		20	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	

			sẽ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	nhận từ các thành viên khác của nhóm.		
ĐIỂM TỔNG							

4. Một số rubrics khác

4.1. Rubric đánh giá tiểu luận cá nhân

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Hình thức		10	Không có lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định			Nhiều lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định	
Bố cục		10	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, logic			Không theo quy định, không logic	
Tài liệu tham khảo		10	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức			Rất ít tài liệu tham khảo, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Nội dung chính 1		30	Đáp ứng 80-100% theo yêu cầu	Đáp ứng 70-80% theo yêu cầu	Đáp ứng 50-70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% theo yêu cầu	
Nội dung chính 2		20					
Nội dung chính 3		20					
ĐIỂM							

4.2. Rubric đánh giá buổi thực hành cá nhân tại phòng thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Chuyên		10	Đến đúng giờ			Đến muộn	

cần			quy định			trên 15 phút	
Chuẩn bị lý thuyết		20	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% các câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% các câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu		50	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu sai	
Kết quả thí nghiệm và trả lời câu hỏi		20	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

4.3. Rubric đánh giá kỹ năng thực hành

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Yêu cầu thực hành 1.....		25	Làm thành thạo các thao tác, sản phẩm đáp ứng tất cả các yêu cầu, đúng thời gian	Làm đúng các thao tác, sản phẩm đáp ứng hầu hết các yêu cầu, đúng thời gian	Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác, sản phẩm cơ bản đáp ứng yêu cầu, chưa đúng thời gian	Làm chưa đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác, sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu, chưa đúng thời gian	
Yêu cầu thực hành 2....		25					
Yêu cầu thực hành 3....		25					
Yêu cầu thực hành 4...		25					
ĐIỂM TỔNG							

4.4. Rubric đánh giá thực tập tại doanh nghiệp

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Chấp hành nội quy của đơn vị		10	Chấp hành đúng nội quy			Không chấp hành nội quy	
Thái độ làm việc		10	Rất tích cực			Rất thụ động	

Ý thức học hỏi		10	Rất tích cực			Không chịu học hỏi	
Tinh thần đồng đội		10	Luôn hỗ trợ đồng nghiệp			Không chịu hợp tác	
Kiến thức, kỹ năng thu nhận		60	Thu nhận rất tốt kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận đầy đủ kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận cơ bản kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận kém kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	
ĐIỂM TỔNG							

4.5. Rubric đánh giá báo cáo thực tập tại doanh nghiệp

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Hình thức báo cáo		10	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả			Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả	
Kỹ năng trình bày		10	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe			Nói nhỏ, không tự tin, không thuyết phục, không giao lưu với người nghe	
Yêu cầu nội dung 1: ...		30	Đáp ứng 80-100% theo yêu cầu	Đáp ứng 70-80% theo yêu cầu	Đáp ứng 50-70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% theo yêu cầu	
Yêu cầu nội dung 2: ...		30					
Trả lời câu hỏi		20	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 các câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 các câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 các câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

4.6. Rubric đánh giá khóa luận/luận văn tốt nghiệp (của thành viên hội đồng)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Hình thức báo cáo khóa luận/ luận văn		10	Không có lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định			Nhiều lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định	

Chất lượng báo cáo khóa luận/ luận văn		50	Đáp ứng 80-100% theo yêu cầu	Đáp ứng 70-80% theo yêu cầu	Đáp ứng 50-70% theo yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% theo yêu cầu	
Chất lượng bảo vệ		10	Đúng trọng tâm, tự tin, đúng thời gian			Không đúng trọng tâm, thiếu tự tin, không đúng thời gian	
Trả lời câu hỏi		30	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 các câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 các câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 các câu hỏi	
ĐIỂM							

4.7. Rubric đánh giá khóa luận/ luận văn tốt nghiệp (của người hướng dẫn/ủy viên phản biện)

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				ĐIỂM
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			8.5-10	7.0-8.4	5.0-6.9	0.0-4.9	
Hình thức		10	Không có lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định			Nhiều lỗi chính tả, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định	
Bố cục		10	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, logic			Không theo quy định, không logic	
Tài liệu tham khảo		10	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức			Rất ít tài liệu tham khảo, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận		10	Tổng quan nghiên cứu phong phú và phù hợp, cơ sở lý luận bám sát đề tài			Tổng quan nghiên cứu rất hạn chế/ không phù hợp, cơ sở lý luận không bám sát đề tài	
Phương pháp nghiên cứu và chọn mẫu		20	Phương pháp nghiên cứu đa dạng và thích hợp, phương pháp chọn mẫu đúng			Phương pháp nghiên cứu không thích hợp, phương pháp chọn mẫu không đúng	

Thu thập và xử lý, phân tích số liệu		20	Phương pháp thu thập số liệu hợp lý; xử lý, phân tích số liệu đúng kỹ thuật và phù hợp			Phương pháp thu thập số liệu không hợp lý; xử lý, phân tích số liệu không đúng kỹ thuật và không phù hợp	
Kết quả nghiên cứu và kết luận		20	Rút ra kết quả nghiên cứu và kết luận rất phù hợp với số liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu			Rút ra kết quả nghiên cứu và kết luận không phù hợp với số liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu	
ĐIỂM							

5. Ma trận phương pháp đánh giá các học phần

MA TRẬN PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CÁC HỌC PHẦN													
STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình cá nhân	Đánh giá thuyết trình nhóm	Kiểm tra viết	Kiểm tra trắc nghiệm	Bảo vệ và thi vấn đáp	Báo cáo	Đánh giá làm việc nhóm	Khác
I. Khối kiến thức chung													
II. Khối kiến thức cơ sở ngành													
III. Khối kiến thức chuyên ngành													
IV. Khối kiến thức tự chọn													
V. Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp													

(Đánh dấu X vào 1 hoặc 1 vài ô phù hợp với học phần)

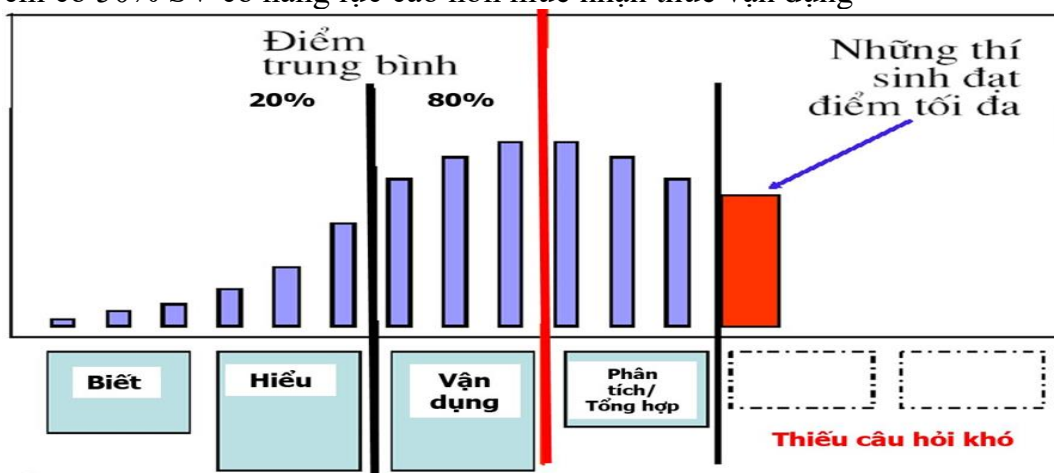
III. PHỔ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1. Phân tích đề thi

Do chưa thực hiện việc phân tích đề thi, không có thử nghiệm trước khi thi nên một số đề thi – kiểm tra quá dễ hoặc quá khó. Đề quá dễ dẫn đến kết quả làm bài của SV quá tốt, không phản ánh đúng thực lực của SV. Đề quá khó dẫn đến kết quả làm bài của SV quá kém, dẫn đến dễ đánh giá nhầm chất lượng giảng dạy thấp.

1.1. Đề thi quá dễ so với khả năng của SV

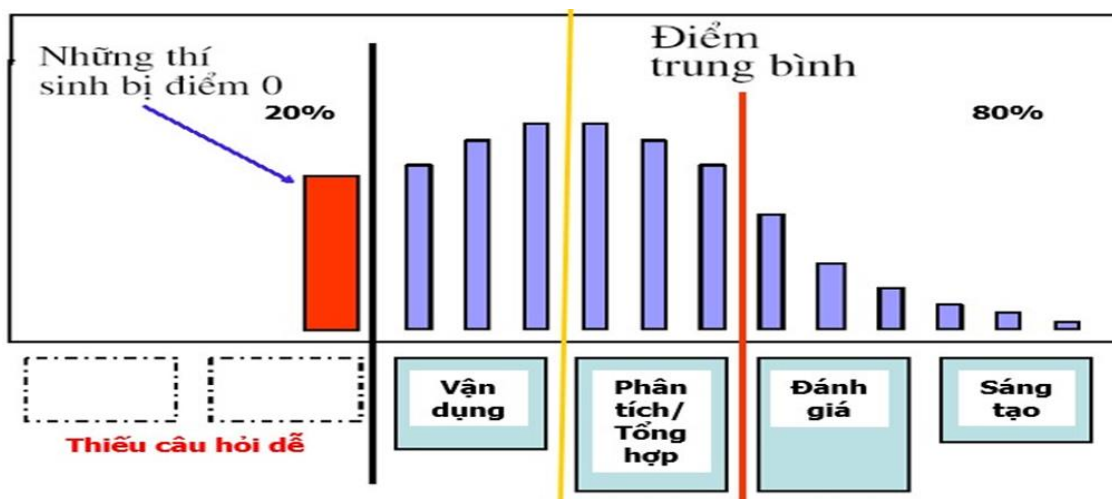
Đề thi chỉ bao gồm các câu hỏi để đánh giá 4 mức nhận thức của SV từ nhận biết đến phân tích. Yêu cầu của đề thi là SV phải vượt qua mức nhận thức hiểu trong thang Bloom. Ở đây không có những câu hỏi khó và rất khó để đánh giá nhận thức của SV ở mức tổng hợp và phân tích. Hình 1 cho thấy, mặc dù có 80% SV vượt yêu cầu của đề thi nhưng chỉ có 50% SV có năng lực cao hơn mức nhận thức vận dụng



Hình 1 – Phổ điểm và thang đánh giá của đề thi quá dễ

1.2. Đề thi quá khó so với khả năng của SV

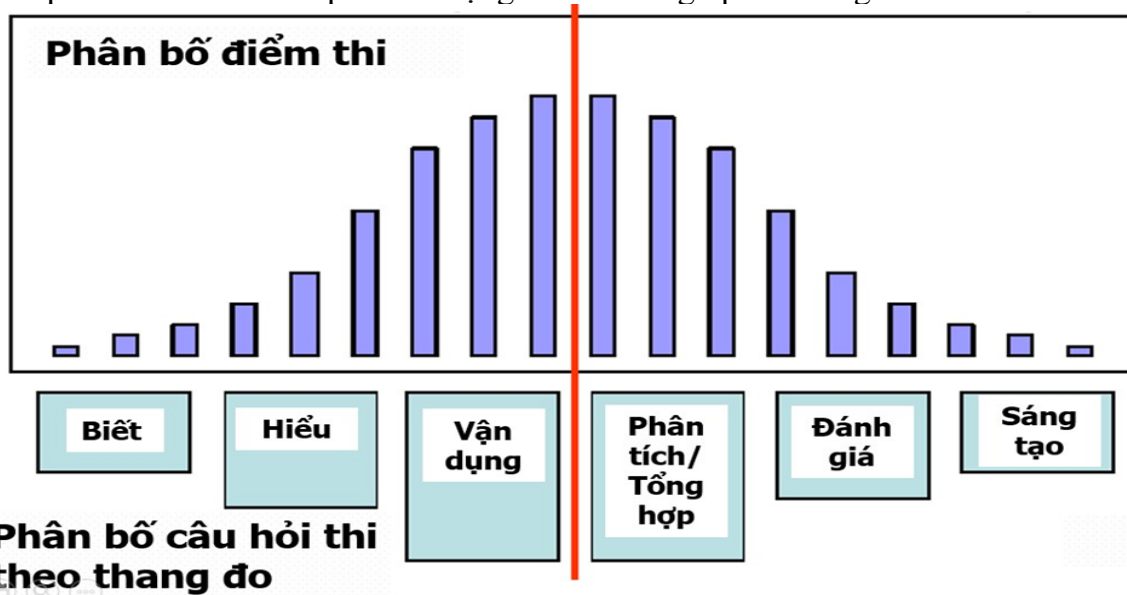
Đề thi này chỉ nhằm đánh giá các mức nhận thức vận dụng, phân tích/tổng hợp, đánh giá và sáng tạo, không có các câu hỏi để đánh giá các mức nhận thức nhận biết và hiểu. SV phải có năng lực cao hơn mức nhận thức phân tích mới có khả năng vượt qua yêu cầu của đề thi. Hình 2 cho thấy mặc dù chỉ có 20% SV có khả năng đó, nhưng cũng cho thấy 50% SV có mức nhận thức vận dụng.



Hình 2 – Phổ điểm và thang đánh giá của đề thi quá khó

1.3. Đề thi “chuẩn” so với khả năng của SV

Theo lý thuyết đo lường và đánh giá trong giáo dục thì một đề thi được xem là “chuẩn” nếu phổ điểm của nó có phân bố dạng hình chuông úp đối xứng.



Hình 3 – Phổ điểm và thang đánh giá của đề thi “chuẩn”

Một đề thi “chuẩn” cần bao gồm các câu hỏi đánh giá 6 mức nhận thức của SV theo thang nhận thức của Bloom (từ mức nhận biết đến mức sáng tạo) và kết quả cho thấy năng lực của SV được phân bố theo biểu đồ có dạng hình chuông chuẩn như trong hình 3. Độ khó của đề thi nằm giữa mức vận dụng/áp dụng và mức phân tích trong thang Bloom. 50% SV đã vượt qua yêu cầu của đề thi (có năng lực cao hơn mức vận dụng/áp dụng).

Do vậy, giảng viên thiết kế và soạn các bài kiểm tra/bài thi phải đảm bảo một số nguyên tắc cơ bản sau:

1. Đo lường được chuẩn đầu ra/mục tiêu môn học;
2. Đo lường được các kiến thức, kỹ năng cốt lõi của chương trình;
3. Bao gồm các câu hỏi với dạng thức phù hợp nhất (theo thang nhận thức của Bloom, từ mức nhận biết đến sáng tạo) để đánh giá được chuẩn đầu ra;
4. Phù hợp với mục tiêu sử dụng kết quả thi;
5. Đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị.

2. Phổ điểm đánh giá học phần

Phổ điểm là phương pháp thống kê nhanh và được sử dụng phổ biến hiện nay sau mỗi kỳ thi là dùng các biểu đồ phân bố kết quả điểm thi so sánh với độ khó của đề (tức là thang đo).

Sau mỗi kỳ thi, giảng viên cần phổ điểm để tiến hành rà soát, điều chỉnh đề thi phù hợp với mục tiêu đánh giá sẽ cho ra những đề thi phù hợp theo biểu mẫu dưới đây:

3. Mẫu phiếu báo cáo phân tích phổ điểm đánh giá học phần và bảng tổng hợp phân tích kết quả học tập của người học (MẪU SỐ 1, 2)

MẪU SỐ 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP.HỒ CHÍ MINH
KHOA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...

**PHIẾU BÁO CÁO PHÂN TÍCH PHỔ ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

Tên học phần Mã học phần: Số tín chỉ:.....

Hệ đào tạo:..... Học kỳ: Năm Học:

1. Báo cáo phân tích Kết quả học tập của SV

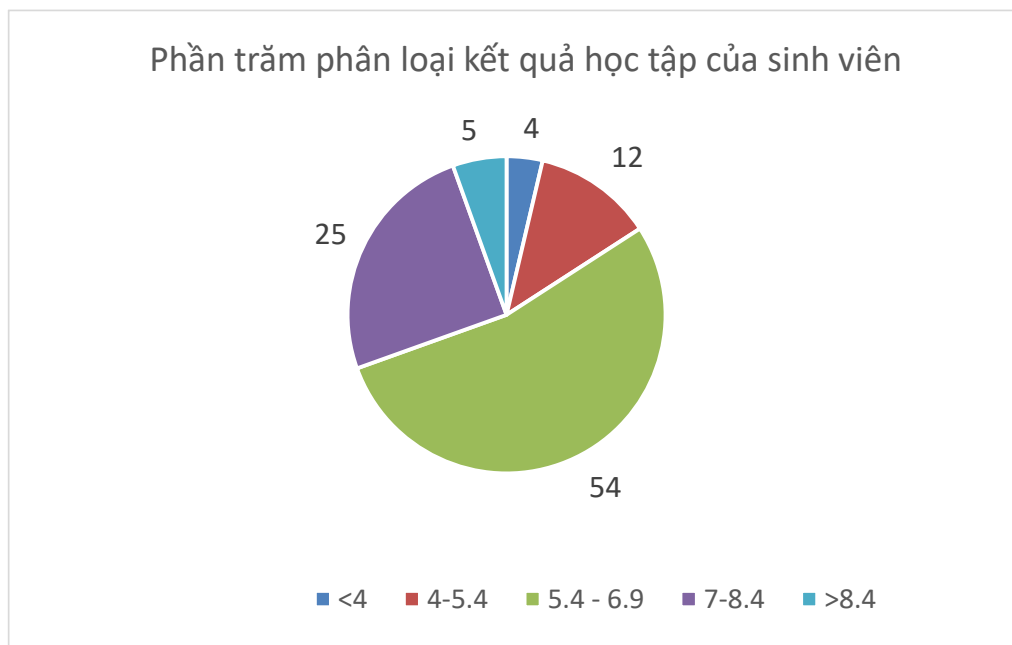
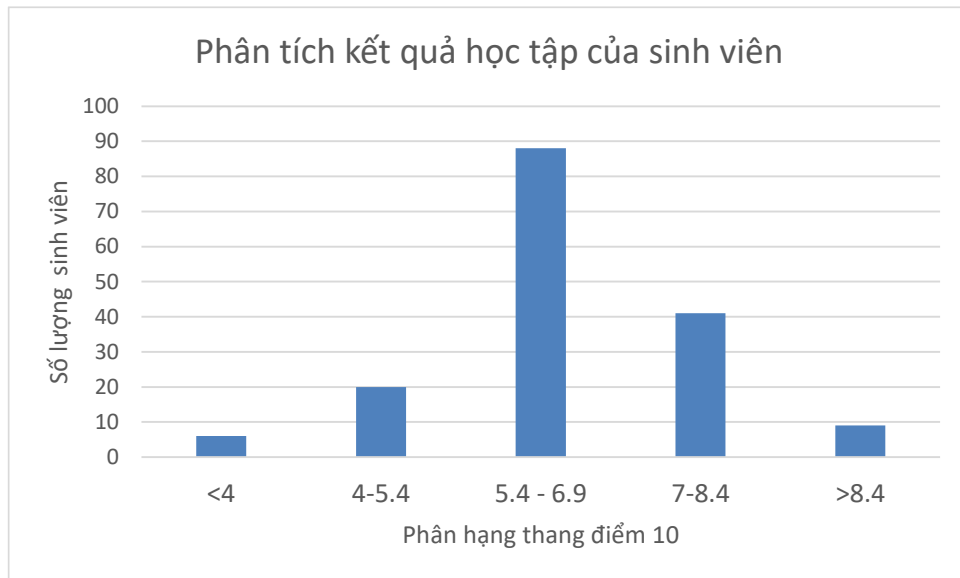
- Số SV theo danh sách lớp (a):
- Số SV theo danh sách thi (b):
- Số SV vắng không tính (a-b):

Bảng 1. Tổng hợp kết quả học tập

STT	Kết quả đánh giá	Số lượng SV không đạt yêu cầu (tỷ lệ %) (dưới điểm 4 quy đổi)	Số lượng SV đạt yêu cầu (tỷ lệ %) (từ điểm 4 – điểm 5,4 quy đổi)	Số lượng SV đạt yêu cầu (tỷ lệ %) (từ điểm 5,5 – điểm 6,9 quy đổi)	Số lượng SV khá (tỷ lệ %) (điểm 7 – điểm 8,4 quy đổi)	Số lượng SV giỏi (tỷ lệ %) (trên điểm 8,4 quy đổi)
1	Đánh giá quá trình (...) (...) (...) (...) (...)
2	Đánh giá giữa kỳ (...) (...) (...) (...) (...)
3	Đánh giá cuối kỳ (...) (...) (...) (...) (...)
	Đánh giá tổng kết (...) (...) (...) (...) (...)

Bảng 2. Thống kê kết quả đánh giá cuối kỳ

Điểm thi	Số SV	Tỷ lệ (%)	Giá trị thống kê	
<4	Trung bình
4 -5,4			Trung vị (Median)
5,5-6,9	Mốt (Mode)
7-8,4	Độ lệch chuẩn
>8,4		
Tổng				



Nhận xét về kết quả thi cuối kỳ

- Tổng số bài thi là ... bài, trong đó có:
 - o Số bài đạt (điểm thi ≥ 4):....., chiếm tỷ lệ %;
 - o Số bài không đạt (điểm thi <4):....., chiếm tỷ lệ.. ... %
- Số sinh viên bỏ thi:....., chiếm tỷ lệ.....%

2. Phân tích mức độ đáp ứng của đề thi kết thúc học phần với mục tiêu đào tạo:

- Về mặt kiến thức, đã đảm bảo CELO, CELO..., của CĐR của học phần
- Về mặt kỹ năng, đã đảm bảo CELO, CELO..., của CĐR của học phần
- Về mặt năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:
 - Đề thi không đánh giá:
 - Đề thi có đánh giá được các CELO.....

3. Phân tích đánh giá đề thi

- Nội dung đề thi kết thúc học phần được phân bố... (tương đối đồng đều vào đề thi. Điểm số đánh giá ở các chương trong đề thi có cơ cấu tương đối) như sau:

Bảng 3. Phân tích đánh giá cấu trúc đề thi

Cấu trúc đề thi	Phân bố trong học phần	% tổng số điểm	Đánh giá mức độ khó của câu hỏi *	Mức độ yêu cầu nhận thức**
Câu 1	Chương 1	20	Dễ	Nhớ
Câu 2	Chương 3	30	Trung bình	Hiểu
Câu 3	Chương 4	10	Khó	
.....
.....
.....

Ghi chú: *: Dễ/Trung bình/Khó

** : Nhớ/Hiểu/Áp dụng/Phân tích/Đánh giá (Toán-Suy Luận)/Sáng tạo

- Nhận xét và đề xuất: Mức độ khó của đề thi được bố trí tăng dần từ thấp đến cao, giúp phân loại người học. Tuy nhiên, nội dung thuộc phần
- Khi phân tích điểm cho từng lớp học phần cho môn học này trong cùng một kỳ thi, nhận thấy rằng Phân bố điểm giữa các lớp không chênh lệch nhiều.
- Đề xuất đề thi nên giảm mức độ khó về phần suy luận đối với các câu hỏi thuộc chương (phần) ..., đồng thời tăng cơ cấu điểm đánh giá cho các chương (phần)... nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo sinh viên theo hướng ứng dụng.

4. Đề xuất về Phương pháp Đánh giá học phần

Bảng 4. Tổng hợp trọng số điểm đánh giá học phần

STT	Phương pháp đánh giá	Phương pháp đánh giá áp dụng trong học phần (Trọng số)	Phương pháp đánh giá đề xuất (Trọng số)
1	Đánh giá quá trình		
	Phương pháp quan sát		
	Phương pháp phỏng vấn		
	Phương pháp viết		
2	Đánh giá giữa kỳ		
	Phương pháp phỏng vấn		
	Phương pháp viết		
2	Đánh giá cuối kỳ		
	Phương pháp phỏng vấn		
	Phương pháp viết (Trắc nghiệm /tự luận)		
	Tổng cộng	100%	100%

5. Đề xuất về Phương pháp giảng dạy

Bảng 5. Tổng hợp đề xuất phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy tổng quát	Phương pháp giảng dạy đang áp dụng cho học phần	Phương pháp giảng dạy đề xuất
PP1. Phương pháp thuyết trình:		
PP2. Phương pháp động não		
PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ		
PP4. Phương pháp học dựa trên vấn đề		
PP5. Phương pháp hoạt động nhóm		
PP6. Phương pháp đóng vai		
PP7. Phương pháp học dựa vào dự án		
PP8. Phương pháp mô phỏng		
PP9. PP Nghiên cứu tình huống		
PP10. PP Tham quan thực tế		
PP11. PP dạy học thông qua làm đồ án, thực hành, thực tập		

Ghi chú: Theo đề cương chi tiết môn học đang áp dụng.

6. Đề xuất những vấn đề khác:

- **Nội dung cần cải tiến trong các mục tiêu của học phần CELO:**

- **Nội dung cần cải tiến trong đề cương chi tiết học phần:**

Ngày..... Tháng Năm.....

Nơi nhận

Trưởng Bộ môn

Giảng viên giảng dạy

- Lưu Bộ môn.

- Lưu VPK.

MẪU SỐ 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP.HỒ CHÍ MINH
KHOA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...

**BẢNG TỔNG HỢP PHỔ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN
HỌC KỲ..... NĂM HỌC.....**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điểm thi										Nhận xét chung
				<4		4->5.4		5.5->6,9		7->8.4		>8.4		
				Số SV	Tỷ lệ (%)	Số SV	Tỷ lệ (%)	Số SV	Tỷ lệ (%)	Số SV	Tỷ lệ (%)	Số SV	Tỷ lệ (%)	
1														
2														
3														

Nơi nhận:

- BCN Khoa;
- Lưu Bộ môn.

NGƯỜI TỔNG HỢP

TRƯỞNG BỘ MÔN